

## PHỤ LỤC 10 HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VietGAP

### 1. Phí đánh giá, chứng nhận.

Công thức tính  $P = A \times M + B + C + D + E + F + G$

Trong đó:

- P : Là phí đánh giá chứng nhận
- A : Là số ngày công đánh giá
- M : Là đơn giá ngày công (1.000.000đ/ngày)
- B : Là phí cấp chứng chỉ 150.000đ/lần cấp ( theo TT: 231 /2009/TT-BTC)
- C : Là chi phí thuê xe đi lại và chi phí lưu trú, tính theo giá thực tế tại thời điểm đánh giá.
- D: Là phí thẩm xét hồ sơ đăng ký (1.500.000 đ/loại hình chứng nhận/lần).
- E: Là phí quản lý 1 chu kỳ chứng nhận (1.000.000đ/lần)
- F: là phí phân tích kiểm nghiệm mẫu (nếu có) (theo đơn giá của Phòng kiểm nghiệm chỉ định phân tích).

### 2. Xác định ngày công đánh giá chứng nhận:

2.1. Tổng số ngày công đánh giá (A):

$$A = M_d + M_a + M_p$$

Trong đó:

- A: tổng số ngày công đánh giá VietGAP
- $M_d$ : ngày công đánh giá tính theo diện tích, sản lượng
- $M_a$ : công nghiên cứu qui trình nuôi đối với cơ sở có nhiều đối tượng nuôi khác nhau
- $M_p$ : số ngày công đánh giá tính thêm cho cơ sở nhiều thành viên/ hoặc nhiều địa điểm nuôi

2.2. Việc xác định ngày công đánh giá ( $M_d$ ) chứng nhận VietGAP thủy sản được xác định dựa trên đối tượng nuôi, mức sản lượng, diện tích nuôi, cụ thể như sau:

Cơ cấu loài nuôi, mức sản lượng, diện tích nuôi										Ngày công ( $M_d$ )
Cá nuôi		Tôm chân trắng		Tôm sú		Cá Tra		Các loài nuôi quản canh nước lợ, mặn (tôm, cua, sò,...)		
tấn	Ha	tấn	Ha	tấn	Ha	tấn	Ha	tấn	Ha	
≤ 100	≤ 1	<50	≤ 5	<5	≤ 1	≤ 1500	≤ 5	≤40	≤20	1.5 – 2.0
101-400	≤ 4	50 – 100	≤ 10	5 – 30	≤ 4	1500-3000	≤ 10	40- 80	20-40	2.0 - 2.5
401-1000	≤ 8	100– 200	≤ 20	30 – 60	≤ 8	3000-4500	≤ 15	80- 100	40-50	2.5 - 3.0
1001-5000	≤ 40	200– 400	≤ 40	60 – 300	≤ 40	≤12000	≤ 40	100- 120	50-60	3.5 - 4.0
≥ 5000	> 40	> 400	> 40	> 300	> 40	>12000	> 40	>120	>60	4.5 - 5.0

**Ghi chú:**

- Ưu tiên chọn mức đến trước (ví dụ: với 1ha nuôi tôm chân trắng nhưng sản lượng trên 10 tấn chọn mức sản lượng để làm căn cứ xác định ngày công đánh giá).

- Đối với trường hợp cơ sở nuôi nhiều đối tượng khác nhau thì ưu tiên nhóm đối tượng ưu thế hơn (ví dụ: cơ sở nuôi các đối tượng cá rô, lóc, trê, thát lát, sặc, tôm sú, tôm thẻ thì chọn nhóm đối tượng cá nuôi làm cơ sở tính ngày công)

2.3. Đối với các cơ sở có yêu cầu chứng nhận nhiều đối tượng nuôi khác nhau thì tính thêm công nghiêm cứu qui trình nuôi (**Ma**) = 0,5 ngày công.

2.4. Cách tính ngày công đánh giá chứng nhận tại các cơ sở thành viên khác trong nhóm/ hoặc tại các địa điểm nuôi khác của 1 cơ sở nuôi (**Mp**):

Số thành viên/ địa điểm được lựa chọn đánh giá tính bằng căn bậc 2 của tổng số thành viên/ địa điểm của cơ sở/ tổ chức được đánh giá.

$$\mathbf{M_p} = (\text{Tổng số thành viên/địa điểm được lựa chọn đánh giá}) - 1$$

### 3. Phí chứng nhận giám sát:

- Số công **Md** đánh giá giám sát bằng 1/2 số công **Md** đánh giá lần đầu,
- Số công **Ma, Mp** được tính như đánh giá chứng nhận lần đầu,
- Các khoản phí khác như đánh giá lần đầu.

### 4. Phí chứng nhận lại:

- Số công **Md** đánh giá giám sát bằng 2/3 số công **Md** đánh giá lần đầu,
- Số công **Ma, Mp** được tính như đánh giá chứng nhận lần đầu,
- Các khoản phí khác như đánh giá lần đầu.

\* Chi phí đánh giá sau khi tính như trên được cộng thêm thuế VAT 5-10%